BỘ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG	CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
	Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 05/2017/TT-BTTTT	*Hà Nội, ngày 02 tháng 6 năm 2017*

SỞ NN VÀ PTNT HƯNG YÊN
ĐẾN Số: 2537
Ngày: 3/7/2017
Chuyển: ...

THÔNG TƯ

Hướng dẫn thực hiện nội dung "Tăng cường cơ sở vật chất cho hệ thống thông tin và truyền thông cơ sở" thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016 - 2020

Căn cứ Nghị định số 17/2017/NĐ-CP ngày 17 tháng 02 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Thông tin và Truyền thông;

Căn cứ Quyết định số 41/2016/QĐ-TTg ngày 10 tháng 10 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Quy chế quản lý, điều hành thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia;

Thực hiện Quyết định số 1600/QĐ-TTg ngày 16 tháng 8 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016 - 2020;

Thực hiện Quyết định số 1980/QĐ-TTg ngày 17 tháng 10 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới giai đoạn 2016 - 2020;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Kế hoạch - Tài chính,

Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông ban hành Thông tư hướng dẫn thực hiện nội dung "Tăng cường cơ sở vật chất cho hệ thống thông tin và truyền thông cơ sở" thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016 - 2020.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

a) Thông tư này hướng dẫn thực hiện nội dung "Tăng cường cơ sở vật chất cho hệ thống thông tin và truyền thông cơ sở" thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016 - 2020 (sau đây gọi tắt là Chương trình) về thiết lập mới đài truyền thanh xã; nâng cấp đài truyền thanh xã; nâng cấp đài phát thanh, truyền hình cấp huyện và trạm phát lại phát

thanh, truyền hình; thiết lập mới trạm truyền thanh thôn, bản xã miền núi, vùng sâu, vùng xa, biên giới, hải đảo xa trung tâm xã;

b) Đối với việc thực hiện các nội dung còn lại của Tiêu chí số 8 về Thông tin và Truyền thông đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 1980/QĐ-TTg ngày 17/10/2016: Căn cứ mục tiêu, nhiệm vụ, thẩm quyền, các địa phương và đơn vị liên quan tổ chức thực hiện theo hướng dẫn của Bộ Thông tin và Truyền thông tại Quyết định số 441/QĐ-BTTTT ngày 28/3/2017 Quy định chi tiết thực hiện tiêu chí Thông tin và Truyền thông trong Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới giai đoạn 2016 - 2020 và theo các chính sách, quy định khác có liên quan.

2. Đối tượng áp dụng:

a) Ủy ban nhân dân các cấp thuộc địa bàn thực hiện Chương trình;

b) Các cơ quan, tổ chức liên quan đến quản lý, thực hiện mục tiêu, nội dung "Tăng cường cơ sở vật chất cho hệ thống thông tin và truyền thông cơ sở" của Chương trình.

Điều 2. Giải thích từ ngữ

1. Đài truyền thanh, truyền hình cấp huyện là các đài truyền thanh, truyền hình hoặc đài truyền thanh huyện (sau đây gọi chung là đài truyền thanh huyện) do Ủy ban nhân dân cấp huyện quản lý, đảm bảo duy trì hoạt động để thực hiện nhiệm vụ phát thanh phục vụ nhiệm vụ thông tin, tuyên truyền của huyện và tiếp sóng các đài phát thanh, truyền hình do Trung ương, tỉnh quản lý.

2. Đài truyền thanh xã là đài truyền thanh do Uỷ ban nhân dân cấp xã trực tiếp quản lý nhân sự, khai thác máy móc thiết bị, duy trì hoạt động để thực hiện phát thanh phục vụ nhiệm vụ thông tin, tuyên truyền của xã và tiếp sóng Đài Tiếng nói Việt Nam, đài phát thanh, truyền hình tỉnh, đài truyền thanh huyện.

3. Theo phương thức truyền dẫn tín hiệu âm thanh, đài truyền thanh bao gồm hai loại:

a) Đài truyền thanh hữu tuyến là đài sử dụng phương thức truyền dẫn tín hiệu âm thanh qua dây dẫn;

b) Đài truyền thanh vô tuyến là đài sử dụng phương thức truyền dẫn tín hiệu âm thanh qua sóng vô tuyến điện.

4. Trạm truyền thanh thôn, bản, buôn, bon, làng, phum, sóc, ấp, đảo có các hộ dân sinh sống (sau đây gọi chung là thôn) là trạm truyền thanh do Ủy

ban nhân dân xã quản lý, có hệ thống máy tăng âm hoặc máy phát, micro, loa, cụm loa ngoài trời, đặt tại thôn để tiếp sóng phát thanh của Đài Tiếng nói Việt Nam, đài phát thanh, truyền hình tỉnh, đài truyền thanh huyện, đài truyền thanh xã và phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành của xã, sinh hoạt của thôn hoặc liên thôn.

Điều 3. Thực hiện nhiệm vụ nâng cấp phần phát thanh cho đài truyền thanh huyện và phần truyền thanh cho trạm phát lại phát thanh, truyền hình

1. Đối tượng thuộc diện nâng cấp thiết bị để đảm bảo hoạt động cho phần phát thanh của đài truyền thanh huyện:

a) Đài truyền thanh huyện có thiết bị sản xuất, phát sóng đã hết thời gian tính hao mòn tài sản cố định theo quy định hiện hành và đã hư hỏng, không còn sử dụng được;

b) Đài truyền thanh huyện cần bổ sung, thay thế thiết bị để nâng cao năng lực hoạt động.

2. Điều kiện thực hiện nâng cấp phần truyền thanh cho trạm phát lại phát thanh, truyền hình:

Thực hiện đối với trạm hiện có, nhưng không đảm bảo chất lượng, yêu cầu kỹ thuật tiếp phát, phát lại các chương trình phát thanh.

3. Thứ tự ưu tiên:

a) Huyện đảo; huyện nghèo theo Nghị quyết số 30a/2008/NQ-CP của Chính phủ; huyện nghèo theo quyết định phê duyệt của cấp có thẩm quyền, được hưởng các cơ chế, chính sách hỗ trợ giảm nghèo nhanh và bền vững theo Nghị quyết số 30a/2008/NQ-CP;

b) Huyện miền núi, biên giới;

c) Các huyện khác.

4. Căn cứ tình hình thực tế, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, quyết định địa điểm, quy mô nâng cấp phần phát thanh, truyền thanh của đài truyền thanh huyện và của trạm phát lại phát thanh, truyền hình trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc ưu tiên đối với khu vực hải đảo, vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc ít người.

Điều 4. Thực hiện nhiệm vụ thiết lập mới, nâng cấp đài truyền thanh xã

1. Các xã được thiết lập mới đài truyền thanh gồm:

a) Xã chưa có đài truyền thanh;

b) Xã có đài truyền thanh đã sử dụng hết thời gian tính hao mòn tài sản cố định theo quy định hiện hành và đã hư hỏng, không còn sử dụng được.

2. Các xã được nâng cấp đài truyền thanh gồm:

Xã có đài truyền thanh nhưng cần bổ sung, thay thế thiết bị do yêu cầu mở rộng hoặc thay thế thiết bị đã hư hỏng, không còn sử dụng được (bao gồm cả các xã đã được công nhận đạt chuẩn nông thôn mới giai đoạn 2011 - 2015).

3. Thứ tự ưu tiên thực hiện:

a) Xã đảo, xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, xã biên giới, xã an toàn khu; xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển và hải đảo theo quyết định của cấp có thẩm quyền;

b) Xã thuộc các huyện nghèo theo Nghị quyết số 30a/2008/NQ-CP; xã thuộc các huyện nghèo theo quyết định phê duyệt của cấp có thẩm quyền, được hưởng các cơ chế, chính sách hỗ trợ giảm nghèo nhanh và bền vững theo Nghị quyết số 30a/2008/NQ-CP;

c) Các xã miền núi và vùng đồng bào dân tộc ít người;

d) Các xã khác.

Điều 5. Thực hiện nhiệm vụ thiết lập mới trạm truyền thanh thôn

1. Các thôn được thiết lập mới trạm truyền thanh thôn là các thôn có đủ các điều kiện:

a) Có từ 50 hộ dân sinh sống trở lên thuộc các khu vực miền núi, vùng sâu, vùng xa, biên giới, hải đảo;

b) Điều kiện địa lý khó khăn không thể mở rộng cụm loa của đài truyền thanh xã đến thôn.

2. Thứ tự ưu tiên:

a) Các đảo có hộ dân sinh sống;

b) Thôn thuộc các xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn; thôn đặc biệt khó khăn; thôn thuộc các xã biên giới;

c) Các thôn trong huyện nghèo theo Nghị quyết số 30a/2008/NQ-CP; các thôn trong huyện nghèo theo quyết định phê duyệt của cấp có thẩm quyền, được hưởng các cơ chế, chính sách hỗ trợ giảm nghèo nhanh và bền vững theo Nghị quyết số 30a/2008/NQ-CP;

d) Các thôn khác thuộc các xã miền núi, vùng đồng bào dân tộc ít người.

Điều 6. Nội dung thực hiện, cơ cấu, yêu cầu về kỹ thuật thiết bị khi thiết lập mới, nâng cấp đài truyền thanh huyện; trạm phát lại phát thanh, truyền hình; đài truyền thanh xã; trạm truyền thanh thôn

1. Nội dung thực hiện, cơ cấu thiết bị thực hiện các nhiệm vụ nêu tại các Điều 3, 4 và 5 Thông tư này, gồm:

a) Mua sắm thiết bị:

- Thiết bị sản xuất chương trình;

- Thiết bị phát sóng phát thanh;

- Cột treo thiết bị phát sóng, cột treo dây, loa và các thiết bị phụ trợ.

b) Hoạt động xây dựng, sửa chữa, lắp đặt:

- Xây dựng, sửa chữa nhà trạm, vật kiến trúc (nếu có);

- Lắp đặt cột phát sóng (nếu có).

Cơ cấu thành phần thiết bị đài truyền thanh huyện và đài truyền thanh xã, trạm truyền thanh thôn quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Thông tư này.

2. Yêu cầu kỹ thuật thiết bị:

a) Đối với thiết bị của đài truyền thanh

- Đài truyền thanh vô tuyến phải có thông số kỹ thuật phù hợp với:

+ Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về phổ tần và tương thích điện từ đối với thiết bị phát thanh quảng bá sử dụng kỹ thuật điều tần (FM) (QCVN 30:2011/BTTTT ban hành kèm theo Thông tư số 10/2011/TT-BTTTT ngày 14/4/2011 của Bộ Thông tin và Truyền thông ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về viễn thông), băng tần hoạt động từ 68 MHz đến 108 MHz;

+ Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về phổ tần số và tương thích điện từ đối với thiết bị truyền thanh không dây sử dụng kỹ thuật điều tần (FM) băng tần từ 54 MHz đến 68 MHz (QCVN 70:2013/BTTTT ban hành kèm theo Thông tư số 16/2013/TT-BTTTT ngày 10/6/2013 của Bộ Thông tin và Truyền thông về ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia).

- Đài truyền thanh hữu tuyến: Phải đáp ứng các quy chuẩn kỹ thuật quốc gia quy định về mức giới hạn của đặc tính kỹ thuật và yêu cầu quản lý đối với sản phẩm hàng hóa phải tuân thủ, đáp ứng các yêu cầu của công tác thông tin, tuyên truyền tại địa phương.

b) Các đài truyền thanh vô tuyến phải được cấp phép sử dụng tần số theo quy định, tuân thủ Quyết định số 22/2009/QĐ-TTg ngày 16/02/2009 của

Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch truyền dẫn, phát sóng phát thanh, truyền hình đến năm 2020 và Thông tư số 04/2013/TT-BTTTT ngày 23/01/2013 của Bộ Thông tin và Truyền thông Quy hoạch sử dụng kênh tần số phát thanh FM đến năm 2020;

c) Đối với phát xạ vô tuyến điện và tương thích điện từ: Đáp ứng các yêu cầu tại Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tương thích điện từ đối với thiết bị thông tin vô tuyến điện QCVN 18:2014/BTTTT ban hành kèm theo Thông tư số 21/2014/TT-BTTTT ngày 16/12/2014 về ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia;

d) Đối với việc sử dụng tần số vô tuyến điện

Tuân thủ quy định tại Quyết định số 71/2013/QĐ-TTg ngày 21/11/2013 của Thủ tướng Chính phủ về Quy hoạch phổ tần số vô tuyến điện quốc gia; Quyết định số 02/2017/QĐ-TTg ngày 17/01/2017 của Thủ tướng Chính phủ về sửa đổi, bổ sung Quyết định số 71/2013/QĐ-TTg và Thông tư số 05/2015/TT-BTTTT ngày 23/5/2015 của Bộ Thông tin và Truyền thông quy định chi tiết và hướng dẫn thủ tục cấp giấy phép sử dụng tần số vô tuyến điện; cho thuê, cho mượn, thiết bị vô tuyến điện; sử dụng tần số vô tuyến điện.

Điều 7. Quản lý, vận hành đài truyền thanh huyện, trạm phát lại phát thanh truyền hình, đài truyền thanh xã, trạm truyền thanh thôn

1. Các cơ quan, đơn vị được trang bị cơ sở vật chất hình thành từ Chương trình phục vụ hoạt động thông tin cơ sở có trách nhiệm theo dõi, quản lý sử dụng và bố trí kinh phí duy trì vận hành theo quy định, đảm bảo hiệu quả, đúng quy định pháp luật.

2. Đối với Ủy ban nhân dân cấp xã, ngoài việc quản lý, đảm bảo duy trì vận hành đài truyền thanh xã, Ủy ban nhân dân xã có trách nhiệm theo dõi, quản lý và tổ chức duy trì vận hành trạm truyền thanh thôn thuộc xã, đảm bảo hiệu quả, đúng quy định pháp luật.

3. Việc hướng dẫn khai thác, vận hành đài truyền thanh huyện, trạm phát lại phát thanh truyền hình, đài truyền thanh xã, trạm truyền thanh thôn phải được thực hiện đồng thời với việc mua sắm, lắp đặt cơ sở vật chất để đảm bảo phát huy hiệu quả ngay sau khi hoàn thành, bàn giao.

4. Đối với nội dung chương trình đào tạo, bồi dưỡng cập nhật kiến thức, kỹ năng khai thác, vận hành thiết bị cho cán bộ quản lý vận hành đài truyền thanh, trạm truyền thanh: Ngoài việc thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều này, các địa phương có kế hoạch lồng ghép nội dung khi thực hiện đào

tạo, bồi dưỡng kỹ năng chuyên môn, nghiệp vụ cho cán bộ thông tin và truyền thông cơ sở của Dự án Truyền thông và giảm nghèo về thông tin thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016 - 2020.

Điều 8. Bố trí kinh phí thực hiện nội dung "Tăng cường cơ sở vật chất cho hệ thống thông tin và truyền thông cơ sở"

1. Các nhiệm vụ thuộc nội dung "Tăng cường cơ sở vật chất cho hệ thống thông tin và truyền thông cơ sở" nêu tại điểm a, khoản 1, Điều 1 Thông tư này có mục tiêu phục vụ hoạt động thông tin, tuyên truyền thực hiện nhiệm vụ chính trị, cung cấp nội dung thông tin, tuyên truyền thiết yếu trên địa bàn huyện, xã; chủ yếu là hoạt động mua sắm thiết bị; quy mô thực hiện tại mỗi huyện, xã không lớn; thời gian thực hiện ngắn và phải đảm bảo các quy định quản lý chuyên ngành. Vì vậy, căn cứ nhu cầu thực tế, tính chất, nội dung, quy mô thực hiện các nội dung của nhiệm vụ, các địa phương bố trí kinh phí ngân sách nhà nước và các nguồn vốn hợp pháp khác (nếu có) để thực hiện theo thẩm quyền, đúng quy định pháp luật.

2. Căn cứ vào tình hình thực tế, các địa phương xem xét quyết định giao nhiệm vụ và lựa chọn phương thức tổ chức thực hiện nhiệm vụ quy định tại điểm a, khoản 1, Điều 1 Thông tư này trên địa bàn theo thẩm quyền, đúng quy định pháp luật.

3. Việc quản lý sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước cho nội dung "Tăng cường cơ sở vật chất cho hệ thống thông tin và truyền thông cơ sở" nêu tại điểm a, khoản 1, Điều 1 Thông tư này thực hiện theo quy định pháp luật.

Điều 9. Kế hoạch thực hiện nội dung "Tăng cường cơ sở vật chất cho hệ thống thông tin và truyền thông cơ sở" của Chương trình

1. Các địa phương thực hiện nội dung "Tăng cường cơ sở vật chất cho hệ thống thông tin và truyền thông cơ sở" của Chương trình tổ chức khảo sát, lập kế hoạch thực hiện cả giai đoạn và hàng năm gửi Bộ Thông tin và Truyền thông theo các Phụ lục 2, 3, 4 và 5 ban hành kèm theo Thông tư này.

a) Thời điểm gửi báo cáo kế hoạch cả giai đoạn là trước ngày 31 tháng 7 năm 2017;

b) Thời điểm gửi báo cáo kế hoạch năm sau là trước ngày 31 tháng 7 hàng năm.

2. Bộ Thông tin và Truyền thông rà soát các mục tiêu, nhiệm vụ của kế hoạch và tổng hợp gửi Cơ quan chủ trì Chương trình và các cơ quan liên quan theo quy định.

3. Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương căn cứ kế hoạch thực hiện mục tiêu và khả năng bố trí vốn để xem xét, quyết định địa

điểm thiết lập mới đài truyền thanh xã, trạm truyền thanh thôn; các đài truyền thanh huyện, trạm phát lại phát thanh, truyền hình, đài truyền thanh xã được nâng cấp gửi báo cáo cho Bộ Thông tin và Truyền thông theo dõi.

Điều 10. Báo cáo, giám sát, kiểm tra tình hình thực hiện nội dung "Tăng cường cơ sở vật chất cho hệ thống thông tin và truyền thông cơ sở" thuộc Chương trình

1. Ngoài việc thực hiện chế độ báo cáo theo quy định tại Thông tư số 05/2017/TT-BNNPTNT ngày 01/3/2017 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn một số nội dung thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016 - 2020, các địa phương có trách nhiệm gửi các báo cáo về thực hiện nội dung "Tăng cường cơ sở vật chất cho hệ thống thông tin và truyền thông cơ sở" cho Bộ Thông tin và Truyền thông, gồm:

a) Báo cáo phân bổ mục tiêu, kinh phí hàng năm trước ngày 31 tháng 3 năm kế hoạch theo mẫu quy định tại Phụ lục 6 ban hành kèm theo Thông tư này;

b) Báo cáo kết quả thực hiện theo mẫu quy định tại Phụ lục 7 ban hành kèm theo Thông tư này. Cụ thể:

- Báo cáo ước thực hiện 06 tháng gửi trước ngày 05 tháng 7 cùng năm;

- Báo cáo kết quả thực hiện hàng năm gửi trước ngày 05 tháng 3 của năm sau.

2. Bộ Thông tin và Truyền thông và các cơ quan liên quan tổ chức kiểm tra, giám sát tình hình thực hiện nội dung "Tăng cường cơ sở vật chất cho hệ thống thông tin và truyền thông cơ sở" thuộc Chương trình theo quy định, tổng hợp báo cáo Ban chỉ đạo Trung ương các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2016 - 2020.

Điều 11. Tổ chức thực hiện

1. Bộ Thông tin và Truyền thông chủ trì, phối hợp với Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ Tài chính, Bộ Kế hoạch và Đầu tư và các cơ quan liên quan quản lý thực hiện mục tiêu, nhiệm vụ "Tăng cường cơ sở vật chất cho hệ thống thông tin và truyền thông cơ sở" thuộc Chương trình theo Quy chế quản lý, điều hành các Chương trình mục tiêu quốc gia và theo hướng dẫn tại Thông tư này và theo quy định khác có liên quan.

2. Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương

a) Tổ chức thực hiện và báo cáo, kiểm tra, giám sát thực hiện nội dung "Tăng cường cơ sở vật chất cho hệ thống thông tin và truyền thông cơ sở" thuộc Chương trình tại địa phương theo thẩm quyền, đúng quy định của pháp luật;

b) Phân công Sở Thông tin và Truyền thông chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan tham mưu trong việc tổ chức triển khai, quản lý thực hiện nội dung "Tăng cường cơ sở vật chất cho hệ thống thông tin và truyền thông cơ sở" và trong công tác quản lý khai thác, vận hành cơ sở vật chất hình thành từ việc thực hiện nội dung này của Chương trình tại địa phương.

Điều 12. Hiệu lực thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 16 tháng 7 năm 2017.

2. Trong quá trình thực hiện, nếu có vấn đề khó khăn, vướng mắc, đề nghị các đơn vị phản ánh về Bộ Thông tin và Truyền thông để nghiên cứu, sửa đổi, bổ sung cho phù hợp và kịp thời./.

Nơi nhận:
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Thủ tướng và các Phó Thủ tướng Chính phủ (để b/c);
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Ủy ban Giám sát tài chính Quốc gia;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Các Bộ và cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- Cơ quan Trung ương của các đoàn thể;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Sở TTTT, Sở NN&PTNT các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Văn phòng Điều phối Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới - Bộ NN&PTNT;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL - Bộ Tư pháp;
- Cổng Thông tin điện tử Chính phủ, Công báo;
- Bộ TTTT: Bộ trưởng và các Thứ trưởng; các Vụ, Cục; Cổng Thông tin điện tử Bộ;
- Lưu: VT, KHTC (350).

BỘ TRƯỞNG

BỘ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG

Trương Minh Tuấn

PHỤ LỤC 1

THÀNH PHẦN THIẾT BỊ, VẬT TƯ PHẦN PHÁT THANH CỦA ĐÀI TRUYỀN THANH HUYỆN, ĐÀI TRUYỀN THANH XÃ, TRẠM TRUYỀN THANH THÔN

(Ban hành kèm theo Thông tư số 05 /2017/TT-BTTTT ngày 02 tháng 6 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông)

STT	TÊN THIẾT BỊ, VẬT TƯ	ĐVT	SỐ LƯỢNG
I	**THIẾT BỊ, VẬT TƯ PHẦN PHÁT THANH CỦA ĐÀI TRUYỀN THANH HUYỆN (*)**		
1	Máy phát sóng FM 500W	Chiếc	1
2	Bộ mã trung tâm	Chiếc	1
3	Bộ trộn tín hiệu mixer	Bộ	1
4	Bộ máy vi tính làm chương trình	Bộ	1
5	Đài radio 1 cửa băng và một cửa đĩa	Chiếc	1
6	Thiết bị thu tín hiệu Radio chuyên dụng hoặc thiết bị thu tín hiệu truyền hình vệ tinh để thu tín hiệu Radio	Bộ	1
7	Micro	Chiếc	2
8	Micro điện động có dây	Chiếc	2
9	Chân micro để bàn	Chiếc	2
10	Cột ăngten tứ giác thân Φ40 bằng thép mạ kẽm (gồm hệ thống dây neo và phụ kiện)	Mét	Thiết kế chiều cao phù hợp với yêu cầu thực tế
11	Chấn tử (ăng ten) phát sóng	Chiếc	01
12	Dây cáp fider	Mét	Xác định phù hợp với nhu cầu thực tế
13	Dây đồng Φ8 làm tiếp đất	Kg	Xác định phù hợp với yêu cầu thực tế
15	Cọc tiếp đất 1500 x 5 x 5	Chiếc	Xác định phù hợp với yêu cầu thực tế

STT	TÊN THIẾT BỊ, VẬT TƯ	ĐVT	SỐ LƯỢNG
16	Dây sắt chống sét	Kg	Xác định phù hợp với yêu cầu thực tế
17	Các vật tư, thiết bị phụ trợ khác		Xác định phù hợp với yêu cầu thực tế
II	**THIẾT BỊ, VẬT TƯ ĐÀI TRUYỀN THANH XÃ (*)**		
1	Máy phát sóng FM 50W	Chiếc	1
2	Bộ mã trung tâm	Chiếc	1
3	Đài radio 1 cửa băng và một cửa đĩa	Chiếc	1
4	Thiết bị thu tín hiệu Radio chuyên dụng hoặc thiết bị thu tín hiệu truyền hình vệ tinh để thu tín hiệu Radio	Bộ	1
5	Micro	Chiếc	2
6	Micro điện động có dây	Chiếc	2
7	Chân micro để bàn	Chiếc	2
8	Cột ăngten tam giác 30 x 30 bằng thép mạ kẽm (gồm hệ thống dây neo và phụ kiện)	Mét	Thiết kế chiều cao phù hợp với yêu cầu thực tế
9	Chấn tử (ăngten) phát sóng	Chiếc	1
10	Dây cáp fider	Mét	Xác định phù hợp với yêu cầu thực tế
11	Bộ trộn tín hiệu mixer	Bộ	1
12	Hộp thu kỹ thuật số	Hộp	Tuỳ thuộc vào số lượng do xã yêu cầu lắp bao nhiêu cụm
13	Loa nén vành nhựa 60W	Chiếc	Tuỳ thuộc vào số lượng cụm thu từng xã (thông thường 02 loa/cụm thu)

STT	TÊN THIẾT BỊ, VẬT TƯ	ĐVT	SỐ LƯỢNG
14	Cột treo loa F48 cao 2m (dùng để dâng loa lên trên đầu cột điện thông thường 01 cụm /01 cột)	Cột	Xác định phù hợp với yêu cầu thực tế
15	Các vật tư, thiết bị phụ trợ khác		Xác định phù hợp với yêu cầu thực tế
III	**TRẠM TRUYỀN THANH THÔN**		
	Cơ cấu, danh mục thiết bị trạm truyền thanh thôn tương tự đài truyền thanh xã, nhưng quy mô thiết bị, đặc tính kỹ thuật được xác định phù hợp với quy mô cụm dân cư phục vụ, đảm bảo tiết kiệm chi phí và hiệu quả sử dụng.		

(*) Ghi chú: Việc nâng cấp đài truyền thanh huyện, đài truyền thanh xã: Căn cứ vào hiện trạng, nhu cầu thiết bị, vật tư cần nâng cấp hoặc bổ sung, đơn vị trực tiếp thực hiện nhiệm vụ đề xuất danh mục, quy mô, đặc tính kỹ thuật cho phù hợp, đảm bảo tiết kiệm kinh phí.

TỈNH, THÀNH PHỐ .....

PHỤ LỤC 2

KẾ HOẠCH THỰC HIỆN NHIỆM VỤ NÂNG CẤP PHẦN PHÁT THANH CỦA ĐÀI TRUYỀN THANH HUYỆN VÀ TRẠM PHÁT LẠI PHÁT THANH, TRUYỀN HÌNH THUỘC CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI GIAI ĐOẠN 2016 - 2020

Kỳ báo cáo:.....

(Ban hành kèm theo Thông tư số 05 /2017/TT-BTTTT ngày 02 tháng 6 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông)

TT	Đơn vị	Địa điểm thiết lập	Kinh phí (triệu đồng)					
			Tổng số	Trong đó				
				Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020
1	2	3	4	5	6	7	8	9
I	**NÂNG CẤP ĐÀI TRUYỀN THANH HUYỆN**							
1	*Huyện A*							
2	*Huyện .....*							
...	...							
II	**NÂNG CẤP TRẠM PHÁT LẠI**							
1	*Huyện X*							
1.1	*Trạm A*							
1.2	*Trạm .....*							
...	...							
2	*Huyện .....*							
2.1	*Trạm .....*							
2.2	*Trạm .....*							
...	...							

Ghi chú

1) Kế hoạch thực hiện cả giai đoạn gửi về Bộ TTTT trước ngày 31/7/2017.

2) Kế hoạch hàng năm gửi Bộ TTTT trước ngày 31/7 hàng năm.

3) Số liệu năm 2016 là kế hoạch được UBND cấp tỉnh phê duyệt.

TỈNH, THÀNH PHỐ .....

PHỤ LỤC 3

KẾ HOẠCH THỰC HIỆN NHIỆM VỤ THIẾT LẬP MỚI ĐÀI TRUYỀN THANH XÃ THUỘC CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI GIAI ĐOẠN 2016 - 2020

Kỳ báo cáo: .....

(Ban hành kèm theo Thông tư số 05 /2017/TT-BTTTT ngày 02 tháng 6 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông)

TT	Đơn vị	Số xã					Phương thức (vô tuyến/hữu tuyến)	Công suất máy phát	Số cụm loa	Dự kiến số lượng và kinh phí thực hiện giai đoạn 2016-2020									
			Trong đó (đề nghị đánh giấu X)							Năm 2016		Năm 2017		Năm 2018		Năm 2019		Năm 2020	
		Tổng số	Xã đảo	Xã miền núi	Xã đặc biệt khó khăn	Xã khác thuộc CT				Số lượng	Kinh phí (tr.đồng)	Số lượng	Kinh phí (tr.đồng)	Số lượng	Kinh phí (tr.đồng)	Số lượng	Kinh phí (tr.đồng)	Số lượng	Kinh phí (tr.đồng)
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20
1	**Huyện A**																		
1.1	*Xã B*																		
1.2	*Xã .....*																		
...	...																		
2	**Huyện .....**																		
2.1	*Xã .....*																		
2.2	*Xã .....*																		
	...																		
	Tổng cộng																		

Ghi chú

1) Kế hoạch thực hiện cả giai đoạn gửi về Bộ TTTT trước ngày 31/7/2017.

2) Kế hoạch hàng năm gửi Bộ TTTT trước ngày 31/7 hàng năm.

3) Số liệu năm 2016 là kế hoạch được UBND cấp tỉnh phê duyệt.

TỈNH, THÀNH PHỐ .....

PHỤ LỤC 4

KẾ HOẠCH THỰC HIỆN NHIỆM VỤ NÂNG CẤP ĐÀI TRUYỀN THANH XÃ THUỘC CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI GIAI ĐOẠN 2016 - 2020

Kỳ báo cáo: .....

(Ban hành kèm theo Thông tư số 05 /2017/TT-BTTTT ngày 02 tháng 6 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông)

TT	Đơn vị	Số xã					Kinh phí (triệu đồng)					
		Tổng số	Trong đó (đề nghị đánh giấu X)				Tổng số	Trong đó				
			Xã đảo	Xã miền núi	Xã đặc biệt khó khăn	Xã khác thuộc CT		2016	2017	2018	2019	2020
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
1	**Huyện A**											
1.1	*Xã B*											
1.2	*Xã .....*											
...	...											
2	***Huyện ....***											
2.1	*Xã .....*											
2.2	*Xã .....*											
...	...											
	Tổng cộng											

Ghi chú

1) Kế hoạch thực hiện cả giai đoạn gửi về Bộ TTTT trước ngày 31/7/2017.

2) Kế hoạch hàng năm gửi Bộ TTTT trước ngày 31/7 hàng năm.

3) Số liệu năm 2016 là kế hoạch được UBND cấp tỉnh phê duyệt.

TỈNH, THÀNH PHỐ .....

PHỤ LỤC 5
KẾ HOẠCH THỰC HIỆN NHIỆM VỤ THIẾT LẬP MỚI TRẠM TRUYỀN THANH THÔN THUỘC CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI GIAI ĐOẠN 2016 - 2020

Kỳ báo cáo: .....

(Ban hành kèm theo Thông tư số 05 /2017/TT-BTTTT ngày 02 tháng 6 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông)

TT	Đơn vị	Số thôn			KẾ HOẠCH THỰC HIỆN CÁC NĂM											
		Chia theo đối tượng			Tổng số		Năm 2016		Năm 2017		Năm 2018		Năm 2019		Năm 2020	
		Thôn đặc biệt khó khăn	Thôn thuộc xã đặc biệt khó khăn	Thôn khác thuộc Chương trình	Số lượng	Kinh phí (tr.đồng)	Số lượng	Kinh phí (tr.đồng)	Số lượng	Kinh phí (tr.đồng)	Số lượng	Kinh phí (tr.đồng)	Số lượng	Kinh phí (tr.đồng)	Số lượng	Kinh phí (tr.đồng)
1	2	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18
I	**Huyện A**															
1	**Xã B**															
1.1	*Thôn C*															
1.2	*Thôn .....*															
	...															
2	***Xã .....***															
2.1	*Thôn .....*															
2.2	*Thôn .....*															
	...															
II	**Huyện .....**															
1	**Xã .....**															
1.1	*Thôn .....*															
1.2	*Thôn .....*															
..	...															
2	*Xã .....*															
2.1	*Thôn .....*															
2.2	*Thôn .....*															
.	...															
	Tổng cộng															

Ghi chú

1) Kế hoạch thực hiện cả giai đoạn gửi về Bộ TTTT trước ngày 31/7/2017.

2) Kế hoạch hàng năm gửi Bộ TTTT trước ngày 31/7 hàng năm.

3) Số liệu năm 2016 là kế hoạch được UBND cấp tỉnh phê duyệt.

TỈNH, THÀNH PHỐ .....

PHỤ LỤC 6

BÁO CÁO PHÂN BỔ MỤC TIÊU, KINH PHÍ THỰC HIỆN NỘI DUNG "TĂNG CƯỜNG CƠ SỞ VẬT CHẤT CHO HỆ THỐNG THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG CƠ SỞ" THUỘC CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI GIAI ĐOẠN 2016 - 2020

Năm .....

(Ban hành kèm theo Thông tư số 05 /2017/TT-BTTTT ngày 02 tháng 6 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông)

STT	Nội dung	Số lượng (đài/trạm)	Kinh phí thực hiện (Triệu đồng)				Ghi chú
			Tổng số	Gồm			
				Nguồn NSTW	Nguồn NSĐP	Nguồn huy động	
1	2	3	4	5	6	7	8
I	**Nâng cấp phần phát thanh của đài truyền thanh huyện**						
1	Huyện A						
2	Huyện						
...	....						
II	**Nâng cấp phần phát thanh của trạm phát lại phát thanh, truyền hình**						
1	Trạm B thuộc huyện						
2	Trạm						
...	....						
III	**Thiết lập mới đài truyền thanh xã**						
1	Xã C						
2	Xã						
...	....						
IV	**Nâng cấp đài truyền thanh xã**						
1	Xã D						
2	Xã						
...	....						
V	**Thiết lập mới trạm truyền thanh thôn**						
1	Huyện E						
1.1	Xã G						
a	Thôn H						
b	Thôn						
...	.....						
1.2	Xã						
a	Thôn						
b	Thôn						
...	.....						
2	Huyện						
2.1	Xã						
a	Thôn						
b	Thôn						
...	.....						
	Tổng cộng						

TỈNH, THÀNH PHỐ .....

PHỤ LỤC 7

BÁO CÁO TÌNH HÌNH THỰC HIỆN MỤC TIÊU, KINH PHÍ THỰC HIỆN
NỘI DUNG "TĂNG CƯỜNG CƠ SỞ VẬT CHẤT CHO HỆ THỐNG THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG CƠ SỞ"
THUỘC CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI GIAI ĐOẠN 2016 - 2020

Kỳ báo cáo .....

(Ban hành kèm theo Thông tư số 05 /2017/TT-BTTTT ngày 02 tháng 6 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông)

STT	Nội dung	Kế hoạch năm		Thực hiện từ đầu năm đến kỳ báo cáo		Lũy kế từ đầu Chương trình	
		Số lượng (đài/trạm)	Kính phí (triệu đồng)	Số lượng (đài/trạm)	Kính phí (triệu đồng)	Số lượng (đài/trạm)	Kính phí (triệu đồng)
1	2	3	4	5	6	7	8
I	**Nâng cấp phần phát thanh của đài truyền thanh huyện**						
1	Huyện A						
2	Huyện						
...	.....						
II	**Nâng cấp phần phát thanh của trạm phát lại phát thanh, truyền hình**						
1	Trạm B thuộc huyện						
2	Trạm						
...	.....						
III	**Thiết lập mới đài truyền thanh xã**						
1	Xã C						
2	Xã						
...	.....						
IV	**Nâng cấp đài truyền thanh xã**						
1	Xã D						
2	Xã						
...	.....						
V	**Thiết lập mới trạm truyền thanh thôn**						
1	Huyện E						
1.1	Xã G						
a	Thôn H						
b	Thôn						
...	.....						
1.2	Xã						
a	Thôn						
b	Thôn						
...	.....						
2	Huyện						
2.1	Xã						
a	Thôn						
b	Thôn						
...	.....						
	Tổng cộng						